

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 10-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Văn Thư
- Bà Bùi Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng dân sự theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXX-DS ngày 08/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-DS ngày 26/8/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị M; địa chỉ: Thôn 6 A, xã V, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn C; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2025 của bà Phạm Thị M, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà M là bác dâu bên vợ của anh Đỗ Văn C (vợ của anh C là chị Phạm Thị H). Anh C có tham gia chơi phường cùng bà nên bà có đóng phường hộ anh C nhiều tháng với mức 3.000.000 đồng/tháng. Sau khi anh C lấy phường anh C không trả tiền bà đóng hộ. Nhiều lần bà gặp yêu cầu anh C trả nhưng không được. Hai bên đã viết giấy biên nhận cộng dồn nợ; cụ thể: Giấy vay tiền và nhận phường ghi ngày 10/3/2016 (âm lịch) anh C nợ 130.000.000 đồng (một khoản 85.000.000 đồng và một khoản 45.000.000 đồng). Các khoản nợ này đều không tính lãi suất, giấy nhận

nợ không có hạn trả nợ. Đây là các khoản nợ cá nhân anh C với bà, không liên quan đến vợ anh C. Sau thời điểm viết giấy nhận nợ, anh C đã trả được cho bà 12.000.000 đồng; còn nợ lại 118.000.000 đồng. Nay do anh C không trả, bà ốm đau bệnh tật cần có tiền để chữa bệnh nên đề nghị Tòa án buộc anh C phải trả bà toàn bộ số nợ trên, không yêu cầu trả lãi tiền vay.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

Về tài liệu, chứng cứ thể hiện như sau:

+ Nguyên đơn xuất trình, giao nộp tài liệu là bản chính là Giấy vay tiền và nhận phường ghi ngày 10/3/2016 (âm lịch) có thể hiện việc vay nợ nêu trên, anh C có kí vào mục người vay nhận tiền.

+ Lời khai của ông Đỗ Văn Mễ là bố anh C như sau: Anh C có vợ là chị Phạm Thị Hiền (đã ly hôn), bà M là bác dâu của chị Hiền. Bà M với anh C có quan hệ vay nợ nhau như thế nào ông không nắm được. Cách đây khoảng 10 năm, bà M có ra nhà gặp vợ chồng ông và cho biết anh C có vay tiền của bà M. Bà M đưa giấy viết sẵn bảo vợ chồng ông ký làm chứng nhưng ông bà không ký. Ông có hỏi anh C thì được biết anh C có nợ tiền của bà M. Đây là khoản nợ riêng của anh C, không liên quan đến vợ chồng ông bà, không liên quan đến chị Hiền.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166, 280, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Đỗ Văn C phải trả cho bà Phạm Thị M số tiền 118.000.000 đồng. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, anh C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án được Tòa án nhân dân quận An Dương thụ lý đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập tòa án khu vực, Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng thành Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng. Nay Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tiếp tục giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về tiếp nhận nhiệm vụ của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, xác định đây là quan hệ Tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[3] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ hợp đồng: Căn cứ vào Giấy vay tiền và nhận phường ghi ngày 10/3/2016 (âm lịch) nguyên đơn xuất trình, tài liệu do Tòa án thu thập được; đủ căn cứ xác định anh C có vay của bà M tổng số tiền 130.000.000 đồng. Việc bà M trình bày anh C đã trả được 12.000.000 đồng nên nay chỉ còn nợ 118.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quyền định đoạt của đương sự.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Yêu cầu đòi nợ gốc không áp dụng thời hiệu.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong giấy vay không thỏa thuận hạn trả nên xác định đây là khoản vay không kì hạn và không có lãi. Theo khoản 1 Điều 469 của BLDS thì bên vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ khi nào, bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Việc anh C đã trả được cho bà M được 12.000.000 đồng là có căn cứ chứng minh bên vay đã đòi nợ cũng như chứa đựng việc thực hiện nghĩa vụ báo trước. Do vậy việc bà M yêu cầu anh C phải trả 118.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Đối với khoản tiền lãi, bà M không yêu cầu nên không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, khoản 1 Điều 146, các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 280, 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

Anh Đỗ Văn C phải trả cho bà Phạm Thị M số tiền 118.000.000 đồng theo Giấy vay tiền và nhận phường ghi ngày 10/3/2016 (âm lịch).

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Đỗ Văn C phải nộp 5.900.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng